

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX

Địa chỉ: Số 358 Đường Giải phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Điện thoại: (04). 6 2954 863 - Fax: (04) 3 8641 584

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi :

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 Ngõ 1295 Đường Giải phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 974 5081/82

Fax: (04) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX

Địa chỉ: Số 358 Đường Giải phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Điện thoại: (04). 6 2954 863 - Fax: (04) 3 8641 584

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2014	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2014	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2014	10 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex

Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex ("Công ty"), là doanh nghiệp thành lập và hoạt động trên cơ sở chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 4410/QĐ - BYT ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc cổ phần hoá Công ty Dược liệu Trung ương 1 trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103007436 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/04/2005 và sửa đổi lần 7 ngày 9/12/2009.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính:

- Kinh doanh dược phẩm;
- Kinh doanh mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh và thực phẩm dưỡng sinh; lương thực, thực phẩm;
- Kinh doanh vắc-xin sinh phẩm y tế;
- Kinh doanh nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, tinh dầu, hương liệu, phụ liệu, hoá chất (trừ hoá chất nhà nước cấm), chất màu phục vụ cho dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm và công nghệ;
- Trồng cây dược liệu;
- Mua bán máy móc, thiết bị y tế, máy móc, thiết bị, bao bì phục vụ cho: sản xuất tân dược, thuốc bổ y học cổ truyền, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng;
- Kinh doanh bất động sản; cho thuê nhà cửa, văn phòng, kho tàng;...

Công ty có trụ sở tại: Số 358 Đường Giải phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Các Chi nhánh Công ty bao gồm:

- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Tại TP Hồ Chí Minh**
Địa chỉ: Số 284/7/17 Lý Thường Kiệt, P.14, Quận 10, TP Hồ Chí Minh.
- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Tại Bắc Giang**
Địa chỉ: Ngõ số 25 đường Đặng Thị Nho, Ngõ Quyền, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.
- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Tại Mê Linh**
Địa chỉ: Thôn Trung Hậu, xã Tiễn Phong Huyện Mê Linh, Hà Nội;

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

- | | |
|-------------------------|-------------------|
| 1 Ông Trần Bình Duyên | Chủ tịch HĐQT |
| 2 Ông Trần Hoàng Dũng | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3 Bà Đoàn Thị Hồng Thuý | Ủy viên |
| 4 Ông Hà Xuân Sơn | Ủy viên |
| 5 Bà Nguyễn Thị Toan | Ủy viên |
| 6 Ông Phùng Minh Dũng | Ủy viên |
| 7 Ông Vũ Anh Tuấn | Ủy viên |

Ban Giám đốc:

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| 1 Ông Phùng Minh Dũng | Tổng Giám đốc |
| 2 Bà Nguyễn Thị Toan | Phó Tổng Giám đốc |
| 3 Ông Hà Xuân Sơn | Phó Tổng Giám đốc |

Giám đốc các chi nhánh:

- | | |
|-------------------------|-----------------------|
| 1 Ông Vũ Anh Tuấn | Chi nhánh Hồ Chí Minh |
| 2 Ông Nguyễn Tiên Phong | Chi nhánh Vĩnh Phúc |
| 3 Bà Phan Thị Khánh Vân | Chi nhánh Bắc Giang |

Ban Kiểm soát:

- | | |
|-----------------------|------------|
| 1 Ông Ngô Trọng Vinh | Trưởng ban |
| 2 Bà Nguyễn Thị Cẩm | Thành viên |
| 3 Bà Trần Thị Thu Hà | Thành viên |
| 4 Bà Đỗ Thị Nhường | Thành viên |
| 5 Ông Nguyễn Ích Bằng | Thành viên |

2. Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI)

3. Tại Báo cáo này Ban Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2014 đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Quy định pháp lý có liên quan;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

4. Các thông tin khác liên quan

Ngoài các sự kiện đã nêu trên và trình bày trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Đại diện cho:

Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex



Tổng Giám đốc

Phùng Minh Dũng

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2015



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HẠNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82

Email: cpahanoi@fpt.vn

Fax: (84) 4 3974 5083

Website: www.cpahanoi.com



Số: 46 / 2015/ BCKT-CPA HANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

của Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex

Kính gửi :

BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex được lập ngày 20 tháng 02 năm 2015 và được trình bày từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex cho năm tài chính tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex giữ 05 bản, Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI



Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Tĩnh

Giấy CNĐKHNKT số: 0132-2014-016-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Phấn

Giấy CNĐKHNKT số: 0928-2014-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		310.807.106.197	267.977.839.145
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		19.615.907.465	13.999.488.279
1. Tiền	111	V.01	19.615.907.465	13.999.488.279
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
III. Các khoản phải thu	130		152.354.477.316	129.681.104.959
1. Phải thu khách hàng	131	V.03.1	150.054.081.385	125.747.053.777
2. Trả trước cho người bán	132	V.03.2	2.279.544.969	3.992.031.808
3. Các khoản phải thu khác	138	V.03.3	520.850.962	442.019.374
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	V.03.5	(500.000.000)	(500.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	134.770.496.133	120.846.623.967
1. Hàng tồn kho	141		135.452.423.736	121.340.232.519
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(681.927.603)	(493.608.552)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.066.225.283	3.450.621.940
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		71.208.357	102.462.640
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.05.1	1.363.454.684	1.126.822.846
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	154	V.05.2	28.191.345	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.603.370.897	2.221.336.454
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		73.752.070.364	74.585.344.659
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		154.083.669	75.000.000
1. Phải thu nội bộ dài hạn	213	V.06	-	-
2. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	154.083.669	75.000.000
II. Tài sản cố định	220		66.244.991.922	65.390.067.814
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	59.342.152.633	61.170.643.409
- Nguyên giá	222		122.977.039.721	117.050.210.157
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(63.634.887.088)	(55.879.566.748)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	447.330.002	516.150.002
- Nguyên giá	225		550.560.000	550.560.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(103.229.998)	(34.409.998)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	659.190.208	744.026.476
- Nguyên giá	228		1.081.125.328	1.081.125.328
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(421.935.120)	(337.098.852)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	5.796.319.079	2.959.247.927
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		100.000.000	100.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	100.000.000	100.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.252.994.773	9.020.276.845
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	7.252.994.773	9.020.276.845
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		384.559.176.561	342.563.183.804

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX

Địa chỉ: Số 358 Đường Giải phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Điện thoại: (04). 6 2954 863 - Fax: (04) 3 8641 584

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		276.019.005.867	237.093.132.742
I. Nợ ngắn hạn	310		275.941.983.745	236.904.104.378
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	83.322.414.284	75.506.887.508
2. Phải trả người bán	312	V.18.1	123.768.232.755	104.797.354.420
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18.2	3.765.474.155	3.377.444.865
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	8.267.594.918	6.593.954.754
5. Phải trả công nhân viên	315		10.346.278.142	5.390.153.690
6. Chi phí phải trả	316	V.17	28.621.718.140	24.999.414.398
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18.3	16.540.781.189	15.976.737.565
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.309.490.162	262.157.178
II. Nợ dài hạn			77.022.122	189.028.364
1. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	77.022.122	189.028.364
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		108.540.170.694	105.470.051.062
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	108.399.163.607	105.123.517.329
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		62.800.950.000	62.800.950.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.425.200.000	29.425.200.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.719.528.632	1.719.528.632
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.952.295.213	2.952.295.213
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		11.501.189.762	8.225.543.484
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		141.007.087	346.533.733
1. Nguồn kinh phí Dự án	432	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		141.007.087	346.533.733
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		384.559.176.561	342.563.183.804

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	V.24		
2. Ngoại tệ các loại			
USD		34.207.76	2.989.57
EUR		485.25	496.17

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lã Thi Trang Nhung



Nguyễn Thị Toàn



Phùng Minh Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	598.010.659.509	544.850.369.960
2. Các khoản giảm trừ	03	VI.26	1.947.452.060	4.008.436.844
+ Chiết khấu thương mại			820.356.381	219.504.436
+ Hàng bán bị trả lại			1.127.095.679	3.788.932.408
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.27	596.063.207.449	540.841.933.116
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	446.836.739.416	427.522.439.210
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		149.226.468.033	113.319.493.906
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	277.592.580	637.533.964
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	7.526.083.387	8.678.831.654
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.085.289.871	8.130.315.337
8. Chi phí bán hàng	24	VI.31	96.454.383.648	65.330.022.373
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.31	31.328.776.303	28.625.199.955
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.194.817.275	11.322.973.888
11. Thu nhập khác	31	VI.33	809.143.190	196.012.144
12. Chi phí khác	32	VI.34	413.581.059	424.063.654
13. Lợi nhuận khác	40		395.562.131	(228.051.510)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.590.379.406	11.094.922.378
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.35	3.286.632.847	2.878.484.894
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.303.746.559	8.216.437.484
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VI.36	1.800	1.308

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc



Lã Thi Trang Nhung



Nguyễn Thị Toan



Phùng Minh Dũng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
1	2	3	3
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		706.420.255.559
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(615.437.894.713)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(57.766.893.020)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(6.537.969.416)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3.487.369.692)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	VII.37.1	16.939.951.608
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	VII.37.2	(26.613.813.111)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.516.267.215
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.672.988.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		243.999.999
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		128.371.640
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.300.617.179)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		185.009.187.971
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(177.193.661.195)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(112.006.256)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.299.783.331)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.403.737.189
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		5.619.387.225
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.999.488.279
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		(2.968.039)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	29	19.615.907.465

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lã Thi Trang Nhung



Nguyễn Thị Toan

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2015



Phùng Minh Dũng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2014****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex ("Công ty"), là doanh nghiệp thành lập và hoạt động trên cơ sở chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 4410/QĐ - BYT ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc cổ phần hoá Công ty Dược liệu Trung ương 1 trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103007436 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/04/2005 và sửa đổi lần 7 ngày 9/12/2009.

Vốn điều lệ của Công ty trên đăng ký kinh doanh là: 62.800.950.000 đồng

(Bằng chữ: Sáu mươi hai tỷ tám trăm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Trụ sở chính: Số 358 Đường Giải phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Các Chi nhánh Công ty bao gồm:

- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Tại TP Hồ Chí Minh**
Địa chỉ: Số 270 Lý Thường Kiệt, P.14, Quận 10, TP Hồ Chí Minh.
- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Tại Bắc Giang**
Địa chỉ: Ngõ số 25 đường Đặng Thị Nho, Ngõ Quyền, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.
- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Tại Mê Linh**
Địa chỉ: Thôn Trung Hựu, xã Tiên Phong Huyện Mê Linh, Hà Nội;

Văn phòng đại diện:

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh dược phẩm**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Kinh doanh dược phẩm;
- Kinh doanh mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh và thực phẩm dưỡng sinh; lương thực, thực phẩm;
- Kinh doanh vắc-xin sinh phẩm y tế;
- Kinh doanh nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, tinh dầu, hương liệu, phụ liệu, hoá chất (trừ hoá chất nhà nước cấm), chất màu phục vụ cho dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm và công nghệ;
- Trồng cây dược liệu;
- Mua bán máy móc, thiết bị y tế, máy móc, thiết bị, bao bì phục vụ cho: sản xuất tân dược, thuốc bổ y học cổ truyền, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng;
- Kinh doanh bất động sản; cho thuê nhà cửa, văn phòng, kho tàng...
- Kinh doanh môi giới đầu tư, môi giới thương mại và uỷ thác xuất nhập khẩu;
- Sản xuất, mua bán đồ gia dụng, các mặt hàng điện tử, điện lạnh, điện thoại và thiết bị linh kiện điện tử, điện lạnh, điện thoại
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;
- Phòng chẩn trị y học cổ truyền;
- Dịch vụ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, tư vấn, đào tạo huấn luyện chuyên ngành y dược (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép và chỉ tư vấn trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký kinh doanh);

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006 QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư sửa đổi, bổ sung kèm theo đến ngày lập Báo cáo.
2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:
Chúng tôi, Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
3. Hình thức kế toán áp dụng:
Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên phần mềm máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công cụ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm: các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn, hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị của các khoản này.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

- + Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều được qui đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được phản ánh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- + Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính**

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6- 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 - 5 năm

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư

Công ty không có bất động sản đầu tư.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm: các khoản tiền gửi có kỳ hạn, cho vay có thời hạn thu hồi dưới 01 năm được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày gửi hoặc cho vay.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết, cho vay vốn có thời hạn thu hồi trên một năm và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư hoặc ngày mua trái phiếu.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí trả trước dài hạn bao gồm

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn:

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

Nguồn vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được cấp hoặc từ các chủ sở hữu góp vốn.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thuDoanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) "ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế ngoại trừ:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi các công ty trong Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự tính thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: VND)

1. Tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	2.028.409.058	773.733.524
Tiền mặt VNĐ		
Văn phòng	269.785.397	68.114.784
Chi nhánh Bắc Giang	21.117.165	576.158.026
Chi nhánh Mê Linh	11.847.499	7.008.633
Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.725.658.997	122.452.081
- Tiền gửi Ngân hàng	17.587.498.407	13.225.754.755
+ Tiền gửi Việt Nam đồng	16.843.799.924	13.149.024.396
Văn phòng	13.912.073.280	10.568.949.747
Ngân hàng Vietcombank	3.485.024.137	414.633.092
Ngân hàng Viettinbank	9.855.196.667	9.403.128.650
Ngân hàng Agribank	99.649.892	724.742.961
Ngân hàng Đầu tư và PT	472.202.584	26.445.044
Chi nhánh Bắc Giang	1.081.388.481	479.415.401
Tiền gửi VND tại NH NN&PTNT	1.081.388.481	479.415.401
Chi nhánh Mê Linh	1.933.620	9.053.662
Tiền gửi ngân hàng công thương KCN Quang Minh	1.933.620	9.053.662
Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.848.404.543	2.091.605.586
Ngân hàng Công thương CN 10	1.815.767.996	1.659.981.701
Ngân hàng NN & PTNT CN Lý Thường Kiệt	32.636.547	431.623.885
+ Tiền gửi Ngoại tệ	743.698.483	76.730.359
Văn phòng	743.698.483	76.730.359
Ngân hàng Vietcombank - USD	694.133.770	22.496.858
Ngân hàng Viettinbank - USD	17.005.819	16.793.319
Ngân hàng Agribank - USD	11.336.157	11.207.235
Ngân hàng Đầu tư và PT - USD	8.846.899	12.657.255
Ngân hàng Vietcombank - EUR	12.375.838	13.575.692
- Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	19.615.907.465	13.999.488.279

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: Không phát sinh

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3.1 Phải thu khách hàng	150.054.081.385	125.747.053.777
a Văn phòng	117.603.044.065	102.779.929.965
Công ty TNHH một thành viên Dược Phẩm An Hy	6.704.777.518	4.792.861.178
Công ty TNHH một thành viên Dược Phẩm An Hy	2.335.086.548	1.946.407.304
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm An Minh	264.408.518	300.470.587
Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên 120 Arms	6.768.447.946	-
Cty CP DP An Minh (Hàng Asakoya)	1.134.157.645	2.128.481.245

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX

Địa chỉ: Số 358 Đường Giải phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Điện thoại: (04). 6 2954 863 - Fax: (04) 3 8641 584

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2014

Bệnh viện đa khoa Bắc Kạn	724.371.194	71.746.500
Trung tâm y tế huyện Na Rì	205.859.472	-
Trung tâm y tế thị xã Bắc Kạn	403.317.861	23.971.500
Trung tâm y tế huyện Chợ Mới	338.859.884	17.319.750
Trung tâm y tế huyện Phù Mỹ	976.567.008	-
Ban Chăm sóc sức khỏe tỉnh Bắc Giang	362.275.532	275.376.150
Bệnh viện đa khoa thành phố Bắc Giang	217.122.150	1.056.254.850
Bệnh viện đa khoa huyện Sơn Động	395.453.300	364.889.750
Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Dũng- Bắc Giang	259.932.150	446.595.450
Công ty cổ phần Y dược Lan Q	857.387.475	-
Quầy Thuốc Hán Ngọc Dung	226.057.583	-
Công ty Dược phẩm và Vật tư y tế Trần Nga	653.524.030	317.136.079
Tổ OTC Hà nội (Oanh)	203.481.532	-
TTD Hapu (DS Hà)	751.791.758	875.818.448
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Đông Á	236.413.760	131.073.624
Công ty cổ phần thương mại Dược Đông Bắc	495.103.446	526.335.107
Công ty TNHH MTV Dược liệu Việt	552.366.273	93.555.000
Bệnh viện Đa khoa huyện Lạc Sơn	247.856.648	-
Bệnh viện quận Thủ Đức	1.010.993.655	-
B.viện 30-4 Tổng cục hậu cần - BCA	358.594.950	197.783.775
Nhà thuốc Tâm Phúc	361.218.721	38.186.533
Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Bắc Quang	409.189.130	-
Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Giang	328.963.603	231.465.992
Khoa dược Bệnh viện Quân Y 103	1.152.844.406	893.219.892
Bệnh viện 198 Bộ Công An	328.481.813	-
Bệnh viện 354	226.685.908	159.803.415
Bệnh viện Bưu Điện	252.619.500	58.954.039
Bệnh viện Dệt May	588.404.250	644.192.396
Bệnh viện giao thông vận tải Trung ương	454.453.474	747.820.518
Bệnh viện Đa khoa Hoà Nhai	1.938.030.974	756.580.424
Bệnh viện K - Cơ sở 1	282.639.000	-
Bệnh viện Đa khoa Sóc Sơn	268.621.500	17.599.890
Bệnh viện Thanh Nhàn	568.879.945	234.303.300
Bệnh viện Đa khoa huyện Thanh Trì	327.001.500	35.171.850
Bệnh viện Tâm thần huyện Mỹ Đức	260.222.047	148.525
Bệnh viện ĐK Xanh Pôn	387.454.900	411.183.850
Bệnh viện YHCT Bộ Công An	3.686.148.725	3.078.341.825
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dược phẩm Đc	597.433.330	139.859.622

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX

Địa chỉ: Số 358 Đường Giải phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Điện thoại: (04). 6 2954 863 - Fax: (04) 3 8641 584

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2014

Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương I	550.600.000	840.000
Công ty Cổ phần Dược Phẩm Davinci - Pháp	366.699.490	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm & Thương Mại Hà Nội KTD	1.876.608.946	-
Công ty cổ phần thương mại và dược phẩm Thiên Tâm	560.734.791	-
Bệnh viện Đa khoa Huyện An Lão	424.414.498	241.491.600
Bệnh Viện đa khoa huyện Tiên Lãng	414.662.147	-
Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dược phẩm Hải	475.995.386	-
Chính hành Công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng-Hiệu thuốc	258.265.809	200.504.657
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh	213.719.210	112.223.450
Trung Tâm Y Tế Thành Phố Huế	273.469.186	73.500.000
Công ty TNHH thương mại và Dược phẩm Hưng Việt	625.345.342	1.262.604.019
Công ty TNHH Thương mại và dược phẩm Hưng Việt	432.264.605	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hướng Việt	1.091.151.120	1.210.940.832
Bệnh viện Đa khoa Phố Nối	213.857.790	420.000
Khoa Dược Bệnh viện ĐK huyện Bắc Hà	428.550.625	219.711.325
Bệnh viện đa khoa huyện Bát Xát	617.366.981	1.312.500
Bệnh Viện đa khoa huyện Bảo Yên	249.274.380	98.175.000
Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai	329.752.500	1.112.166.300
Bệnh viện đa khoa huyện Mường Khương	413.701.440	71.788.550
Bệnh viện đa khoa huyện Văn Bàn	362.280.678	269.308.998
Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai	449.104.872	739.801.600
Bệnh viện Y học cổ truyền Lai Châu	565.612.950	396.716.250
Bệnh viện đa khoa trung tâm tỉnh Lạng Sơn	1.101.074.730	281.107.385
Bệnh viện Y học cổ truyền Lạng Sơn	687.172.037	335.805.392
Nhà Thuốc Linh Anh	244.857.482	89.097.365
Trung tâm Y tế huyện Cao Lộc	401.506.836	32.046.000
BV ĐK Cửa Đông thuộc CTTNHH LThực MTrung	304.912.062	446.312.584
Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An	240.296.633	298.723.584
Công ty Cổ phần Dược & Thiết Bị Y Tế Đồng Tâm	870.789.624	649.013.717
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Trường Sơn	336.885.837	242.407.696
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Trung Tâm Ứng Dụng Công	333.089.179	144.853.926
Nhà thuốc Toán Nghĩa	401.016.930	-
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình	1.036.374.096	4.499.933
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược Sơn Tùng	222.102.547	181.873.510
Nhà Thuốc Đình Phương Thủy	439.753.211	372.169.580
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ	1.705.535.455	882.103.440
Bệnh viện ĐK huyện Tam Nông	330.539.144	793.649.877
Chi nhánh Trung tâm Thương mại Dược mỹ phẩm	2.197.824.300	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX

Địa chỉ: Số 358 Đường Giải phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Điện thoại: (04). 6 2954 863 - Fax: (04) 3 8641 584

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2014

Nhà Thuốc Gia Phú	493.984.457	289.387.942
Bệnh viện Bãi Cháy	563.293.505	81.866.400
Bệnh viện đa khoa Cẩm Phả	1.458.021.368	712.817.700
Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh	284.073.969	56.149.800
Bệnh viện đa khoa huyện Đông Triều	676.018.120	345.103.355
Bệnh viện ĐK huyện Hoành Bồ tỉnh Quảng Ninh	2.317.227.211	107.833.140
Bệnh viện đa khoa khu vực Cẩm Phả	361.609.153	276.676.050
Bệnh viện đa khoa khu vực Móng Cái	359.995.243	167.797.350
Bệnh viện ĐK thị xã Quảng Yên	271.402.164	101.692.500
Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Quảng Ngãi	1.308.964.167	-
Công Ty TNHH Dược Phẩm Trung Việt	274.595.725	398.905.581
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Seaphaco	979.229.543	-
Ban Bảo vệ CSSK Cán bộ tỉnh Sơn La	570.508.613	512.909.928
Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Yên	2.814.904.872	529.200.000
Bệnh viện Đa khoa huyện Mộc Châu	307.935.105	22.342.364
Bệnh viện Đa Khoa huyện Mai Sơn	876.820.052	131.289.262
Bệnh Viện ĐK Huyện Quỳnh Nhai	427.861.993	-
Bệnh viện đa khoa huyện Sốp Cộp	701.404.200	260.758.899
Bệnh viện ĐK Huyện Thuận Châu	578.204.534	247.405.310
Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Châu	361.220.228	-
Công ty cổ phần công nghệ hóa dược Quốc tế Tây Âu	427.313.550	854.555.265
Công ty TNHH thương mại Dược phẩm Thái Sơn	273.373.271	685.900.971
Bệnh viện ĐK TW Thái Nguyên	227.601.150	385.939.050
Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm-Tuyên Quang	323.951.250	89.173.583
Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Tuyên Quang	507.704.400	1.019.817.750
Bệnh viện Y dược cổ truyền Tuyên Quang	214.410.000	13.293.000
Bệnh viện Đa Khoa Huyện Yên Sơn	500.580.630	189.953.398
Trung tâm y tế TP Tuyên Quang	330.681.654	104.129.748
Công ty Cổ phần Dược phẩm TT&T	365.310.859	-
Công Ty TNHH Dược Phẩm Và Thương Mại Việt Áo	7.394.558.184	4.842.586.678
Công ty cổ phần Dược và thiết bị y tế Việt Nam - Vinap	305.066.160	-
Bệnh viện Giao thông vận tải Vĩnh Phúc	288.471.063	346.014.747
Nhà Thuốc Đỗ Thị Hoà	296.947.421	399.483.459
ZABURIT MEDICINE MEDICAL EQUIPMENT& GENE	1.231.205.968	-
Trung tâm y tế huyện Văn Yên	329.807.100	137.807.200
Trung tâm Y tế huyện Lục Yên Yên Bái	269.627.340	164.072.940
Trung tâm y tế Huyện Trấn Yên	612.933.300	662.948.000
Trung tâm Y tế huyện Yên Bình Yên Bái	537.107.550	102.894.750

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Số 358 Đường Giải phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Cho năm tài chính

Điện thoại: (04). 6 2954 863 - Fax: (04) 3 8641 584

Kết thúc ngày 31/12/2014

Bệnh viện đa khoa thành phố Yên Bái	510.762.100	614.339.250
Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Yên Bái	1.952.838.709	1.547.288.804
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	527.027.109	711.523.322
Công Ty Cổ phần Dược Bắc Cạn	79.993.067	216.981.504
Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang	38.439.450	593.650.620
Bệnh viện Đa khoa huyện Hiệp Hòa Bắc Giang	102.390.800	687.758.850
Bệnh viện đa khoa huyện Lạng Giang	45.103.325	282.366.050
Bệnh viện Đa khoa khu vực Lục Ngạn Bắc Giang	58.292.850	680.638.350
Bệnh viện đa khoa huyện Lục Nam	11.354.700	214.053.000
Bệnh viện Đa khoa huyện Việt Yên- Bắc Giang	33.959.100	201.335.880
Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thế	19.493.200	225.285.100
Bệnh viện Y học cổ truyền Bắc Giang	190.969.800	644.360.450
Công ty cổ phần dược phẩm Bắc Ninh	3.560.700	923.027.701
Tổ bán lẻ OTC Hà Nội	34.738.288	713.513.481
Công ty cổ phần Dược mỹ phẩm CVI	-	608.851.650
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Điện Biên	198.192.199	216.552.224
Công ty TNHH Dược phẩm Gia Minh	-	217.691.841
Công ty TNHH thương mại và công nghệ Hà Minh	-	584.944.602
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình	34.499.955	387.590.989
Công ty Cổ phần Y dược và Đầu tư Thương mại Sông Đà	8.353	320.924.696
Cục Quân Y -Bộ Quốc Phòng	-	272.160.000
Công ty Cổ Phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương	8.865.230	1.668.787.151
Bệnh viện 105	-	536.261.145
Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	197.913.452	1.533.683.244
Bệnh viện Bạch Mai	198.107.684	517.362.300
Bệnh Viện E	168.229.965	219.458.415
Bệnh viện ĐK huyện Đan Phượng	-	517.729.350
Bệnh viện Đa khoa Hoài Đức	5.250.134	475.492.600
Bệnh viện Nam Thăng Long	-	402.071.670
Bệnh viện ĐK Sơn Tây	7.704	287.588.004
Bệnh viện Tuệ Tĩnh	135.057.300	360.169.623
Bệnh Viện Ung Bướu Hà Nội	-	484.247.724
Cục quân y-Bộ Quốc Phòng	-	670.215.000
Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Đông Hán	-	295.614.706
Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Việt Nga	68.761.804	578.277.234
Nhà thuốc Bùi Huy Hoàn	-	687.890.623
Bệnh viện Đa khoa huyện Kiến Thụy	61.006.993	204.475.655
Bệnh viện Đa khoa Quận Lê Chân	170.812.181	850.778.877

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX

Địa chỉ: Số 358 Đường Giải phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Điện thoại: (04). 6 2954 863 - Fax: (04) 3 8641 584

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2014

Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng	-	1.114.939.775
Công ty cổ phần thương mại dược phẩm An Đức	-	229.651.662
Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Cầu Treo	-	327.718.797
Nhà thuốc Đường Thương-Hà Tĩnh	51.691.517	284.448.534
Nhà thuốc Dược sĩ Nguyễn Xuân Loát-Quầy số 5	162.081.064	202.223.535
Phòng Khám Chuyên Khoa Nhi	55.440.048	232.511.860
Trung Tâm Y tế huyện Nam Đông	70.875.000	593.460.000
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên	-	266.836.080
Trung tâm Y tế Yên Mỹ	101.680.755	531.824.156
Trung tâm Y tế huyện Bắc Sơn	140.101.500	444.027.723
Công Ty Cổ Phần Meotis Việt Nam	-	1.793.242.282
Bệnh viện ĐK Thành phố Vinh	71.673.000	447.235.026
Bệnh viện Đa khoa huyện Đô Lương	198.379.356	217.243.950
Bệnh viện Hữu Nghị đa khoa Nghệ An	98.611.800	309.542.693
Bệnh viện Đa khoa huyện Nam Đàn	81.952.500	328.551.605
Bệnh viện Đa khoa Huyện Lâm Thao	-	289.300.014
Bệnh viện ĐK Huyện Phù Ninh	-	240.953.864
Bệnh viện Đa khoa Huyện Thanh Sơn	139.720.608	561.124.746
Bệnh viện ĐK huyện Thanh Thủy	6.321.804	647.707.093
Bệnh viện Đa khoa TX Phú Thọ	145.221.963	204.166.651
Bệnh viện Đa khoa Huyện Yên Lập	171.880.501	291.060.000
Công Ty CPTM Y Dược SKT	-	499.162.607
Nhà Thuốc Hoàng Anh	139.870.466	252.161.258
Nhà Thuốc Nam Anh	182.625.219	200.512.072
Bệnh Viện đa khoa Vĩnh Linh	99.235.515	348.163.245
Bệnh Viện Phục hồi chức năng tỉnh Sơn La	160.775.965	307.069.888
Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi tỉnh Sơn La	-	1.879.908.264
Bệnh viện Đa khoa huyện Sông Mã	30.997.813	325.511.440
Công ty cổ phần dược phẩm II	34.650.913	490.832.909
Công ty cổ phần dược vật tư Y tế Thanh Hóa Chinhánh dược phẩm	-	201.825.675
Công ty cổ phần dược- vật tư y tế Thanh Hoá	15.609.705	228.584.114
Công Ty TNHH Dược VTYT Hà Anh	172.227.998	209.227.998
Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược Minh Châu	84.466.705	452.841.721
Bệnh viện C Thái Nguyên	123.649.999	202.363.978
Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Dung Hưng	91.947.514	336.856.872
Bệnh viện ĐK Huyện Hàm Yên	137.839.770	551.976.180
Bệnh Viện ĐK Khu Vực Yên Hoa	-	290.290.161
Công Ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	-	465.065.517

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

	China Meheco Traditional Medicines & Health Products	-	483.762.500
	CITY Pharmacy Limited	-	439.892.212
	Khách hàng khác	18.414.150.432	17.882.426.065
b	Chi nhánh Bắc Giang	4.813.254.879	3.987.384.963
	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Yên Thế	833.199.519	22.950.916
	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Bắc Giang	5.418	255.455.336
	Bệnh Viện Đa Khoa Thành Phố Bắc giang	62.495.729	191.325.298
	Trung Tâm PC Sốt Rét Nội Tiết - Tỉnh Bắc Giang	443.531.748	12.756
	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện - Hiệp Hoà	833.218.673	-
	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện - Sơn Động	623.515.085	731.626.794
	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Lạng giang	264.677.218	883.275.613
	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Yên Dũng	630.997.918	1.336.784.782
	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Việt Yên	193.999.680	-
	Ban Bảo vệ CSSK Cán Bộ Tỉnh Bắc Giang	106.841.528	-
	Cty CP YT Tâm Phúc_Hùng	40.604.079	120.604.079
	Công Ty Cổ Phần Y Dược Lan Q	94.000.064	114.000.064
	Phòng Khám Giao Thông Vật Tải Bắc Giang	96.263.798	-
	Khách hàng khác	589.904.422	331.349.325
c	Chi nhánh Hồ Chí Minh	27.637.782.441	18.979.738.849
	Công ty TNHH DP Thái Nhân	274.619.163	312.744.280
	Công ty CP TM Dược Phẩm Vĩnh Long	493.933.729	66.812.064
	Công ty Cổ phần Dược Việt Hùng	245.420.215	373.510.842
	Công ty TNHH Dược Phẩm Phadaco	207.444.593	272.515.782
	Công ty TNHH Dược Bửu Hòa	32.776.915	62.492.244
	Công ty CP Dược Phẩm Tây Ninh	572.616.419	473.241.710
	Công ty TNHH Dược phẩm Liên Sơn	246.145.006	535.220.937
	Nhà Thuốc Hồng Phúc	656.502.587	534.083.144
	Công ty TNHH Dược Phẩm Phan Rang	495.710.369	226.268.816
	Công ty TNHH Dược Hưng Phát	50.986.500	155.977.898
	Công ty TNHH TM Dược Phẩm Quang Phúc	60.929.093	140.929.093
	Công ty TNHH Dược VTYT Đắk Nông	117.401.280	92.164.648
	Bệnh Viện Quận Thủ Đức	171.973.701	305.772.602
	Công ty TNHH Dược Phẩm Alpha	271.601.691	151.576.114
	CTy TNHH Sản Xuất Thương Mại Dược Phẩm Thế Kỷ	164.641.501	425.246.141
	Bệnh Viện Quận Tân Bình	64.620.000	444.239.997
	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Cao Lãnh	66.712.798	18.899.199
	Bệnh Viện Đa Khoa Thống Nhất tỉnh Đồng Nai	68.078.461	1.062.894.370

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX

Địa chỉ: Số 358 Đường Giải phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Điện thoại: (04). 6 2954 863 - Fax: (04) 3 8641 584

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2014

Bệnh viện Huyện Bình Chánh	115.814.500	124.853.500
Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Tây Nam Bộ	419.661.089	131.055.188
Trung tâm Y tế Thị Xã Thuận An	201.329.999	116.202.998
Bệnh Viện Đa Khoa Dầu Giây	76.498.001	126.969.293
Công ty TNHH MTV TMDV Dược phẩm Hoàng Long	89.568.500	213.732.559
Nhà Thuốc Trường Giang - BThuận	414.877.324	383.295.488
Nhà thuốc Quang Khánh	370.304.651	516.375.867
Công ty TNHH Xây Dựng - Y Tế Tâm An	30.450.001	243.839.514
CTy TNHH Phòng Khám Đa Khoa ái Nghĩa - Đồng Khởi	48.200.004	106.770.000
CN2-Cty TNHH PKĐK ái Nghĩa-Dồng Khởi-PKĐK ái ng	91.570.003	407.011.999
Công Ty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Y Đức Trị An	38.700.000	108.068.999
Công ty Cổ phần Thương Mại Dược Phẩm Nhật Lệ	654.328.994	323.304.999
Công ty TNHH Phòng khám Đa Khoa Liên Chi	132.000.000	169.225.002
Khách hàng khác	20.692.365.354	10.354.443.562
3.2 Trả trước cho người bán	2.279.544.969	3.992.031.808
a Văn phòng	2.152.846.469	3.962.031.808
Bảo điện tử kiến thức	82.500.000	-
Đào Thị Thanh Hiền	80.000.000	-
Cty CP Kỹ nghệ Hoàng Mai	390.760.000	-
Cty TNHH MTV XD&TM Lan Tuyển	158.474.400	-
CN CT SX&TM TBYT Minh Tôm	134.000.000	-
CTy TNHH TM & CN Minh Thành	-	116.000.000
Cty CP Truyền thụng và giải trớ Ngụi Sao Mới	52.650.000	-
CLB Phỏp chế Luật - Bộ tư phỏp	50.000.000	70.000.000
Cty CP TMQC & DL Phong Cỏch Việť	-	495.200.000
Cty TNHH Kỹ Thuật Sao Việť	68.270.000	-
CTCP truyền thụng V V Việť nam	92.330.000	-
Viện kiểm nghiệm Trung Ương	180.000.000	-
Cụng ty TNHH sản xuất-thương mại Thuận Thờn	104.791.500	-
Cụng ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long	-	762.181.200
Cụng Ty TNHH Dịch Vụ Quà Tặng Chuyờn Nghiệp	62.370.000	-
C Ty TNHH Dịch Vụ Vật Tư & Kỹ Thuật Hoàng Mai	181.819.000	-
Lờ Cao Hoàng	-	300.000.000
Trần Hồng Nhung	-	1.694.960.000
Claris	228.607.657	228.607.657
Khách hàng khác	286.273.912	295.082.951
b Chi nhánh Hồ Chí Minh	126.698.500	30.000.000
CN cty CP Quê Hương Liberty	33.000.000	-
Cty TNHH MTV SX - TM - XNK Tây Nam (Tanamexco)	-	30.000.000
Cty CP Du lịch Thanh Bình	5.000.000	-
Cty TNHH Kiểm toán Việť Anh	44.000.000	-
Cty TNHH MTV TMDV Mỹ Gia Lạc	44.698.500	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX

Địa chỉ: Số 358 Đường Giải phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Điện thoại: (04). 6 2954 863 - Fax: (04) 3 8641 584

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2014

3.3 Phải thu khác	520.850.962	442.019.374
<i>a Văn phòng</i>	<i>18.902.838</i>	<i>344.071.445</i>
<i> Phải thu thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>-</i>	<i>137.361.860</i>
<i> Phải thu bảo hiểm</i>	<i>-</i>	<i>4.610.371</i>
<i> Phải thu Công ty thuê tài chính</i>	<i>18.902.838</i>	<i>-</i>
<i> Phải thu dư nợ TK338 khác</i>	<i>-</i>	<i>202.099.214</i>
<i>b Chi nhánh Bắc Giang</i>	<i>-</i>	<i>62.877.000</i>
<i> Phải thu khác</i>	<i>-</i>	<i>62.877.000</i>
<i>c Chi nhánh Mê Linh</i>	<i>-</i>	<i>1.904.607</i>
<i> Phải thu bảo hiểm chi trả</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i> Phải thu thuế TNCN</i>		<i>1.904.607</i>
<i>d Chi nhánh Hồ Chí Minh</i>	<i>501.948.124</i>	<i>33.166.322</i>
<i> Phải thu BHXH</i>	<i>25.337.038</i>	<i>33.166.322</i>
<i> Phải thu khác</i>	<i>476.611.086</i>	<i>-</i>
3.4 Dự phòng phải thu khó đòi	(500.000.000)	(500.000.000)
Cộng	152.354.477.316	129.681.104.959
4. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Nguyên liệu, vật liệu</i>	<i>28.672.362.580</i>	<i>32.188.298.779</i>
<i>Công cụ, dụng cụ</i>	<i>2.076.246.336</i>	<i>2.003.783.951</i>
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang</i>	<i>5.499.767.622</i>	<i>7.671.809.098</i>
<i>Thành phẩm</i>	<i>2.116.865.454</i>	<i>1.129.704.858</i>
<i>Hàng hoá</i>	<i>97.087.181.744</i>	<i>78.346.635.833</i>
<i>DP giảm giá hàng tồn kho</i>	<i>(681.927.603)</i>	<i>(493.608.552)</i>
Cộng	134.770.496.133	120.846.623.967
5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước:	Số cuối năm	Số đầu năm
5.1 Thuế GTGT còn được khấu trừ	1.363.454.684	1.126.822.846
<i>Chi nhánh Mê Linh</i>	<i>1.144.583.452</i>	<i>1.126.822.846</i>
<i>Chi nhánh Hồ Chí Minh</i>	<i>218.871.232</i>	<i>-</i>
5.2 Các khoản thuế phải thu nhà nước	28.191.345	-
<i>Thuế GTGT nhập khẩu phải thu VP</i>	<i>28.191.345</i>	<i>-</i>
Cộng	1.391.646.029	1.126.822.846
6. Phải thu dài hạn nội bộ:	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu chi nhánh Mê Linh</i>	<i>31.887.596.626</i>	<i>39.678.048.339</i>
Chỉ tiêu này khi lên báo cáo tài chính cộng hợp đã được bù trừ với phải trả nội bộ dài hạn		
7. Phải thu dài hạn khác:	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ký quỹ, ký cược dài hạn (VP HCM)</i>	<i>154.083.669</i>	<i>75.000.000</i>
Cộng	154.083.669	75.000.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex

Địa chỉ: Số 358 Đường Giải Phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Điện thoại: (04). 6 2954 863 - Fax: (04) 3 8641 584

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2014

75.275.000

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm	43.073.705.824	66.917.749.360	5.785.582.157	1.273.172.816	117.050.210.157
- Mua trong năm		133.799.816	2.274.883.637	39.001.000	2.447.684.453
- XDCB hoàn thành	4.027.099.775	335.000.000	667.424.545		5.029.524.320
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán		858.722.828	691.656.381		1.550.379.209
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	47.100.805.599	66.527.826.348	8.036.233.958	1.312.173.816	122.977.039.721
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	16.213.465.726	35.622.141.744	3.320.477.775	723.481.503	55.879.566.748
- Khấu hao trong năm	1.992.029.032	6.106.246.082	698.504.940	158.208.498	8.954.988.552
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán		651.668.306	547.999.906		1.199.668.212
- Giảm khác					-
Số dư cuối kỳ	18.205.494.758	41.076.719.520	3.470.982.809	881.690.001	63.634.887.088
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	26.860.240.098	31.295.607.616	2.465.104.382	549.691.313	61.170.643.409
- Tại ngày cuối năm	28.895.310.841	25.451.106.828	4.565.251.149	430.483.815	59.342.152.633

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Cộng
Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	550.560.000	550.560.000
2. Số tăng trong năm	-	-
- Tăng trong năm	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
4. Số dư cuối năm	550.560.000	550.560.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	34.409.998	34.409.998
2. Số tăng trong năm	68.820.000	68.820.000
- Khấu hao trong năm	68.820.000	68.820.000
3. Số giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	103.229.998	103.229.998
Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	516.150.002	516.150.002
2. Tại ngày cuối năm	447.330.002	447.330.002

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sản xuất	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Cộng
Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	875.925.328	-	205.200.000	1.081.125.328
2. Số tăng trong năm		-	-	-
3. Số giảm trong năm		-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác			-	-
4. Số dư cuối năm	875.925.328	-	205.200.000	1.081.125.328
Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	248.178.852	-	88.920.000	337.098.852
2. Số tăng trong năm	43.796.268	-	41.040.000	84.836.268
- Khấu hao trong năm	43.796.268		41.040.000	84.836.268
- Tăng khác				-
3. Số giảm trong năm		-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác			-	-
4. Số dư cuối năm	291.975.120	-	129.960.000	421.935.120
Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	627.746.476	-	116.280.000	744.026.476
2. Tại ngày cuối năm	583.950.208	-	75.240.000	659.190.208

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

11. Chi phí XDCB dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
Máy móc thiết bị nhà máy DP số 2	2.235.674.823	650.700.000
Máy móc thiết bị phòng KD dược liệu	-	335.000.000
Thiết bị kiểm nghiệm	173.931.143	-
Cải tạo nhà máy dược phẩm 1	580.340.100	-
CP sửa chữa nhà máy DP số 2	608.276.230	62.872.500
CP sửa chữa nhà xưởng chế biến Đông dược	2.146.835.691	1.910.675.427
Sửa chữa phòng sạch (NM số 2)	51.261.092	-
Cộng	5.796.319.079	2.959.247.927

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư: Không có số liệu

13. Đầu tư tài chính dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đầu tư cổ phiếu	100.000.000	100.000.000
Công ty cổ phần dược Tuyên Quang	100.000.000	100.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	-	-
Cộng	100.000.000	100.000.000

14. Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng	1.393.020.388	2.921.268.158
Chi phí CCDC chờ phân bổ	695.945.764	767.616.261
Chi phí quảng cáo	-	1.735.781.206
Chi phí sửa chữa tài sản	697.074.624	417.870.691
Chi nhánh Mê Linh	5.803.255.867	6.059.160.910
Chi phí CCDC chờ phân bổ	320.691.808	992.833.099
Chi phí sửa chữa tài sản	945.627.644	376.283.120
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.049.778	64.491.454
Chi phí thuê đất	4.504.886.637	4.625.553.237
Chi nhánh Hồ Chí Minh	56.718.518	32.273.990
Chi phí CCDC chờ phân bổ	56.718.518	32.273.990
Chi nhánh Bắc Giang	-	7.573.787
Chi phí CCDC chờ phân bổ	-	7.573.787
Cộng	7.252.994.773	9.020.276.845

15. Vay và nợ ngắn hạn:

a. Vay ngắn hạn	83.191.505.190	75.375.978.414
Ngân hàng Công thương Đống Đa	11.986.188.255	23.369.412.445
Vay ngân hàng VCB	17.117.338.850	11.416.213.763
Vay ngắn hạn khác tại VP	54.087.978.085	40.590.352.206
b. Nợ dài hạn đến hạn trả	130.909.094	130.909.094
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng TM CP Công thương VN	130.909.094	130.909.094
Cộng	83.322.414.284	75.506.887.508

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế GTGT	1.345.144.905	680.867.233
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.117.219.091	1.255.181.556
- Thuế đất	5.421.038.875	4.541.005.950
- Thuế Thu nhập cá nhân	384.192.047	116.900.815
Cộng	8.267.594.918	6.593.954.754
17. Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thị trường - CN Mê Linh	23.312.249.997	17.680.462.539
Chi phí lãi vay phải trả	34.676.518	49.279.537
Chi phí hội nghị, hội thảo, khuyến mại - CN Hồ Chí Minh	5.274.791.625	7.269.672.222
Cộng	28.621.718.140	24.999.414.398
18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
18,1 Phải trả người bán	123.768.232.755	104.797.354.420
<i>a. Văn phòng</i>	<i>113.868.805.422</i>	<i>95.090.342.562</i>
Cty TNHH T.Thông & GTrí Hướng Dương	1.005.510.000	-
Cty TNHH TM & TT Lê Gia	854.855.200	63.250.900
CTCP Phát triển Mê linh	223.947.435	-
Cty CP Thiết bị MPM	283.709.420	-
CT TNHH Quảng cáo TM Sen vàng	363.000.000	-
Cty TNHH TT Thời gian vàng	230.250.000	661.250.900
Cty TNHH MTV Du lịch & tiếp thị GTVT Việt Nam - VIETRAV	1.241.000.000	-
CSSX và KD dược liệu An Bình	945.702.936	405.702.936
Công ty TNHH một thành viên Dược Phẩm An Hy	484.054.000	7.223.415.361
Công ty TNHH Sản xuất và xuất nhập khẩu Bao bì Hà Nội	720.448.906	1.135.391.642
Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long	1.304.220.500	-
CSở KD thuốc Đông Dược Đại An	376.287.000	9.705.252.900
Cty Cổ phần Diêm Thống Nhất	217.342.504	456.526.997
Công ty TNHH thương mại và sản xuất Đông Âu	261.581.806	279.922.245
Cty CP D&TTBYT Đông Dương	1.000.409.929	1.354.886.597
Công Ty Cổ Phần Dược Đồng Nai	200.500.514	-
Cơ sở kinh doanh thuốc YHCT Đồng Nhân	1.565.681.500	11.626.692.700
Csở KD thuốc Đông Dược Đức Phương	9.742.013.700	-
Công ty TNHH sản xuất bao bì và thương mại Đức Thành	384.177.145	246.822.895
Công ty TNHH MTV Dược liệu Việt	3.451.615.849	-
Công ty cổ phần Dược phẩm I	353.127.500	24.357.500
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Thương mại Dương Thu	2.344.347.233	2.260.597.613
Công Ty Cổ Phần Thương Mại & Dịch Vụ HALI Việt Nam	389.402.641	-
Cty CP Dược Havico	261.102.149	245.670.519

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Số 358 Đường Giải phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Cho năm tài chính

Điện thoại: (04). 6 2954 863 - Fax: (04) 3 8641 584

Kết thúc ngày 31/12/2014

Csở KD Thuốc Đông dược Hoàng Anh	15.295.500.600	-
Csở KD thuốc Đông dược Hoàng Hà	17.010.488.000	-
Công ty TNHH Thương mại và dược phẩm Hưng Việt	882.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dược Vật Tư Y Tế Khải Hà	236.306.088	2.596.020
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dược Phẩm Khang Nhân	2.268.167.439	94.240.384
Công ty TNHH Thương mại Nam Thái Bình Dương	441.315.000	437.775.125
Aceto - Singapore	5.076.698.376	598.814.000
Ebewe - Ever Neuro	11.829.997.030	4.807.063.725
GLOBELA PHARMACEUTICAL LTD,INDIA	662.217.188	-
Nomura japan	10.461.693.750	605.139.500
YAN AN CHANGTAI PHARMACEUTICAL Co.,LTD.	3.317.775.000	-
Công ty cổ phần Bao bì và in Nông Nghiệp	615.224.709	1.555.195.444
Nguyễn Thế Viễn	225.010.000	298.050.000
Công ty Cổ phần Thương mại - Sản xuất Oai Hùng	966.455.419	1.405.652.883
Cty TNHH TMDP Phương Linh	307.278.630	56.753.736
C Sở KD thuốc y học cổ truyền Phương Nam	7.475.339.000	-
CTy CP TM DP Quốc Tế	423.990.008	877.973.670
Công Ty Cổ Phần TM DP Thái Bình Dương	751.300.094	-
Công ty cổ phần Thương Mại Dược phẩm Thiên Đức	299.018.160	-
Hàng thu mua	369.710.600	153.686.100
Bùi Thị Thuý	78.121.000	1.272.508.335
Công ty TNHH hóa chất Đăng Hưng	52.665.000	507.340.000
CN Cty CP DVYT Hải Dương	91.449.503	521.225.209
Công Ty Cổ phần tập đoàn vàng bạc đá quý DOJI	-	1.730.140.000
Công ty cổ phần Dược mỹ phẩm MAY	-	1.302.210.000
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Nhật Hà	-	1.071.906.938
Cty CP Quảng cáo truyền thông TV	-	1.170.400.000
CTY CP Dược Phẩm Văn Lam	240.272.486	548.918.121
Chongqing China	-	1.357.030.600
Csở KD TYHCT Nguyễn Kim Dung	-	572.653.180
SHAANXI XINYU - CHINA	-	2.087.415.000
Sinobright Pharmaceutical Co.,Ltd	-	2.420.136.300
Yan an Changtai - China	-	2.734.645.300
Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm SANTA Việt Nam	131.739.457	755.378.070
Cơ sở KD thuốc Đông Dược Tâm Việt	77.510.000	9.310.878.401
Cơ Sở Kinh Doanh thuốc Đông Dược Việt Trang	163.347.300	10.263.063.500
Phải trả người bán khác	5.913.927.718	10.881.813.916
b. Chi nhánh Bắc Giang	5.473.877.253	4.878.123.521
CN Công ty cổ phần Dược Phẩm Ampharco U.S.A	137.075.079	537.075.079

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Cty CP DP & DVTM An Phúc	-	9.426.099
Cty TNHH TM Dược Phẩm Gia Phan	-	1.800.000.205
Cty TNHH Dược Phẩm Gia Minh	-	7.505.694
Công Ty TNHH Dược Phẩm Việt Anh (Hiệp)	20.000.000	104.052.500
Công ty cổ phần dược phẩm Kim Tinh	286.170.001	-
Hàng mua ngoài (không hoá đơn)	1.146.600	-
Công Ty TNHH DI Phẩm Nam Thái Hoa	-	20.898.120
Công ty cổ phần Dược VTYT Phan Anh	3.671.544.205	2.399.165.824
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dược Phẩm Quốc Tế	1.339.492.368	-
Công ty cổ phần dược phẩm Thiên Thảo	18.449.000	-
c. Chi nhánh Mê Linh	38.663.860	-
Trung tâm chiếu xạ Hà Nội	22.663.860	-
Vũ Khắc Minh - Cửa hàng TBYT và hoá chất HN	16.000.000	-
d. Chi nhánh Hồ Chí Minh	4.386.886.220	4.828.888.337
Chi Nhánh Công ty CP Dược Hà Tĩnh (T. Hà Tĩnh)	469.095.913	183.151.226
Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Hà Tĩnh Tại Hà Nội	225.381.005	52.650.000
CN Cty CP TM NK - TT KD TH Nguyễn Kim	59.650.000	-
Cty CP Đầu Tư Phát Triển Seaphaco	1.077.283.500	-
Công ty CP Dược Phẩm Thiên Triệu	492.947.785	508.416.460
Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm An Minh	-	421.394.400
Công ty Cổ phần dược phẩm Ceteco USA	90.720.000	90.720.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Nhật Quang	429.441.670	1.685.851.857
Công ty Cổ phần dược Vật tư Y tế Thành Vinh	-	106.339.998
Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Nhật Hà	-	943.740.000
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Thanh Bình	-	8.500.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Tây Âu	-	305.545.815
Công Ty TNHH Công Nghệ Dược Minh An	1.292.276.160	-
Công ty TNHH Dược Phẩm Ngân Hà	-	236.578.320
Công Ty TNHH Dược Phẩm Phúc Đạt	190.901.057	-
Công Ty TNHH Một Thành Viên Dược Phẩm An Hy	-	286.000.261
Công Ty TNHH Thương Mại Và Đầu Tư Xuất Nhập Khẩu Đại I	59.189.130	-
18,2 Người mua trả tiền trước	3.765.474.155	3.377.444.865
a. Văn phòng	3.742.562.431	3.321.630.920
Cộng ty TNHH một thành viên Dược Phẩm An Hy	1.198.144.900	-
Cộng ty TNHH Dược Phẩm Ba Đồn	197.804.636	-
Cộng Ty Cổ Phần Bảo Chi	170.000.000	-
Cộng Ty Cổ Phần Dược Đồng Nai	120.057.000	-
Cộng ty cổ phần Dược phẩm và thiết bị y tế Đụng Nam Á	454.121.077	339.296.132
Bệnh viện 198 Bộ Công An	-	400.000.000
Cộng Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Quốc Tế NS	-	525.000.000
Cộng ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Tinh Dầu và Hương Liệu	765.600.000	-
LP Pharma JSC	100.000.000	-
Cộng ty Cổ phần Dược Nam Thiên Phức	-	340.000.500
Cộng ty Cổ Phần Dược Vật Tư Y Tế Phan Anh	-	213.743.622
Cộng ty TNHH Thương mại Tồn Á Châu	-	118.108.640

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex

Địa chỉ: Số 358 Đường Giải phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Điện thoại: (04). 6 2954 863 - Fax: (04) 3 8641 584

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2014

<i>Cung ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dược Phẩm Việt Mỹ</i>	-	400.000.000
<i>LIBERTY GROUP TRADING - MYANMA</i>	279.415.091	465.032.647
<i>ZABURIT MEDICINE MEDICAL EQUIPMENT & GENERALTY</i>	-	145.782.991
<i>Khách hàng khác</i>	457.419.727	374.666.388
b. Chi nhánh Hồ Chí Minh	17.485.856	16.649.624
<i>Khách hàng khác</i>	17.485.856	16.649.624
b. Chi nhánh Bắc Giang	5.425.868	39.164.321
<i>BVĐK - Tân yên -BG</i>	5.425.868	5.427.935
<i>BVĐK - Lục nam BG</i>	-	32.346.300
<i>BVĐK - Việt yên BG</i>	-	1.390.086
18.3 Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.540.781.189	15.976.737.565
a. Văn phòng	16.432.622.069	15.904.066.835
<i>Kinh phí công đoàn</i>	8.273.100	159.539.844
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	53.699.874	-
<i>Phải trả về cổ tức</i>	1.474.834.887	1.084.370.918
<i>Phải trả chi phí quảng cáo, hoa hồng</i>	62.944.461	-
<i>Phải trả Tổng Công ty Dược VN</i>	516.852.888	-
<i>Cty CP lắp máy điện nước và XD</i>	10.039.205.164	10.039.205.164
<i>Phải trả về đề tài</i>	-	18.400.090
<i>Công ty XD Trường Giang</i>	4.132.811.695	4.132.811.695
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>		266.739.214
<i>Phải trả đăng ký SP mới dự có TK138</i>	144.000.000	203.000.000
b. Chi nhánh Bắc Giang	55.374.320	54.675.906
<i>Kinh phí công đoàn</i>	11.011.710	-
<i>Phải trả hàng khuyến mại</i>	44.362.610	54.675.906
c. Chi nhánh Mê Linh	46.080.000	11.290.024
<i>Phải trả BHXH, YT</i>	-	1.208
<i>Phải trả khác</i>	46.080.000	11.288.816
c. Chi nhánh Hồ Chí Minh	6.704.800	6.704.800
Cộng	144.074.488.099	124.151.536.850

19. Phải trả dài hạn nội bộ: Không có số liệu**20. Vay và nợ dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Vay dài hạn	-	-
b. Nợ dài hạn	77.022.122	189.028.364
<i>TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	77.022.122	189.028.364
Cộng	77.022.122	189.028.364

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả: Không có số liệu

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex

Địa chỉ: Số 358 Đường Giải phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Điện thoại: (04). 6 2954 863 - Fax: (04) 3 8641 584

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2014

22. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu

A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	62.800.950.000	29.425.200.000	1.719.528.632	2.952.295.213	6.289.201.000	103.187.174.845
- Tăng vốn trong năm trước						-
- Lãi trong năm trước					8.216.437.484	8.216.437.484
- Tăng khác					-	-
- Giảm vốn trong năm trước						-
- Lỗ trong năm trước						-
- Giảm khác					6.280.095.000	6.280.095.000
2. Số dư cuối năm trước	62.800.950.000	29.425.200.000	1.719.528.632	2.952.295.213	8.225.543.484	105.123.517.329
3. Số dư đầu năm nay	62.800.950.000	29.425.200.000	1.719.528.632	2.952.295.213	8.225.543.484	105.123.517.329
- Tăng vốn trong kỳ này						-
- Lãi trong kỳ					11.303.746.559	11.303.746.559
- Tăng khác					188.322.843	188.322.843
- Giảm vốn trong kỳ này						-
- Lỗ trong kỳ						-
- Giảm khác					8.216.423.124	8.216.423.124
4. Số dư cuối năm nay	62.800.950.000	29.425.200.000	1.719.528.632	2.952.295.213	11.501.189.762	108.399.163.607

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex
Địa chỉ: Số 358 Đường Giải phóng - Thanh Xuân - Hà Nội
Điện thoại: (04). 6 2954 863 - Fax: (04) 3 8641 584

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2014

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của nhà nước		7.137.500.000	7.137.500.000
Vốn góp các đối tượng khác		55.663.450.000	55.663.450.000
Cộng		62.800.950.000	62.800.950.000
C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:			
	Năm nay	Năm trước	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
Vốn góp đầu năm	62.800.950.000	62.800.950.000	
Vốn góp tăng trong năm	-	-	
Vốn góp giảm trong năm	-	-	
Vốn góp cuối năm	62.800.950.000	62.800.950.000	
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.908.104.500	6.280.095.000	
23. Nguồn kinh phí	Năm nay	Năm trước	
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	-	-	
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	527.000.000	1.209.000.000	
Chi sự nghiệp	(527.000.000)	(1.209.000.000)	
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	-	
24. Tài sản thuê ngoài (không có số liệu)			
VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh (ĐVT: VND)			
25. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	Năm nay	Năm trước	
<i>Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp DV</i>	<i>598.010.659.509</i>	<i>544.850.369.960</i>	
Cộng	598.010.659.509	544.850.369.960	
26. Các khoản giảm trừ doanh thu:	1.947.452.060	4.008.436.844	
+ Chiết khấu thương mại	820.356.381	219.504.436	
+ Hàng bán trả lại	1.127.095.679	3.788.932.408	
27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	596.063.207.449	540.841.933.116	
28. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước	
Giá vốn hàng hoá	446.836.739.416	427.522.439.210	
Cộng	446.836.739.416	427.522.439.210	
29. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước	
Lãi tiền gửi, tiền vay	125.036.640	302.925.763	
Chênh lệch tỷ giá	149.220.940	330.528.201	
Cổ tức lợi nhuận được chia	3.335.000	4.080.000	
Cộng	277.592.580	637.533.964	
30. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước	
Lãi tiền vay, lãi trả chậm	7.114.327.994	8.130.215.337	

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex
Địa chỉ: Số 358 Đường Giải phóng - Thanh Xuân - Hà Nội
Điện thoại: (04). 6 2954 863 - Fax: (04) 3 8641 584

Thuyết minh Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính
Kết thúc ngày 31/12/2014

	Chi phí tài chính khác	6.006.975	-
	Lỗ chênh lệch tỷ giá	405.748.418	548.516.317
	Cộng	7.526.083.387	8.678.831.654
31.	Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
<i>a.</i>	<i>Chi phí bán hàng</i>	<i>96.454.383.648</i>	<i>65.330.922.373</i>
	Chi phí nhân viên	32.580.912.481	26.573.003.247
	Chi phí NVL	1.169.084.425	337.491.379
	Chi phí công cụ dụng cụ	1.269.272.730	288.403.436
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.774.055	59.077.811
	Chi phí mua ngoài	36.877.344.627	25.009.530.037
	Chi phí khác bằng tiền	24.493.995.330	13.062.516.463
<i>b.</i>	<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>31.328.776.303</i>	<i>28.625.199.955</i>
	Chi phí nhân viên	12.803.152.675	7.000.792.564
	Chi phí NVL	196.125.204	58.810.214
	Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng VP	1.179.532.300	540.762.087
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	839.307.319	1.155.001.489
	Thuế phí, lệ phí	2.489.309.880	7.910.286.086
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.845.934.859	11.620.411.062
	Chi phí khác bằng tiền	7.975.414.066	339.136.453
	Cộng	127.783.159.951	93.955.222.328
32.	Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	
	Chi phí nhân viên		70.913.474.193
	Chi phí NVL		275.570.309.783
	Chi phí công cụ dụng cụ		6.232.842.610
	Chi phí khấu hao tài sản cố định		8.954.988.552
	Chi phí mua ngoài		80.473.818.123
	Chi phí khác bằng tiền		31.325.970.358
	Cộng		473.471.403.619
33.	Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
	Thu từ thanh lý tài sản cố định	721.818.181	38.000.000
	Thu nhập công nợ phải trả không phải trả	27.403.000	
	Thu nhập khác	59.922.009	158.012.144
	Cộng	809.143.190	196.012.144

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

34.	Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
	Tiền phạt	29.595.809	136.847.260
	Chi phí thanh lý TSCĐ	350.710.997	287.201.251
	Chi phí khác	33.274.253	15.143
	Cộng	413.581.059	424.063.654
35.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
	Lợi nhuận trước thuế	14.590.379.406	11.094.922.378
	<i>Điều chỉnh cho thu nhập không chịu thuế (lãi cổ tức)</i>	3.335.000	4.080.000
	<i>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</i>		
	<i>Cộng các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	352.195.809	423.097.196
	Lương HDQT và BKS không làm việc tại công ty	322.600.000	241.250.000
	Chi khác không được trừ khi tính thuế TNDN	29.595.809	181.847.196
	Thu nhập chịu thuế	14.939.240.215	11.513.939.574
	Thuế suất thông thường	22,00%	25,00%
	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.286.632.847	2.878.484.894
	<i>Thu nhập chịu thuế truy thu 2011-2013 của CN HCM</i>	251.097.123	
	<i>Thuế TN truy thu thêm</i>	62.774.280	-
	Thuế thu nhập phải nộp	3.349.407.127	2.878.484.894
36.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
	Vốn bình quân	62.800.950.000	62.800.950.000
	Lãi sau thuế	11.303.746.559	8.216.437.484
	Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000
	Số cổ phiếu lưu hành bình quân năm	6.280.095	6.280.095
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu bình quân	1.799,93	1.308,33

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (VND)

37. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

Trong năm không có khoản tiền nào do doanh nghiệp nắm giữ mà không được sử dụng.

	Năm nay
37.1 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16.939.951.608
Thu kinh phí sự nghiệp	527.000.000
Thu tiền trả lại của khách hàng	4.786.181.549
Thu lại tiền tạm ứng	3.676.869.309
Tiền thu thuế thu nhập cá nhân	273.844.354

	Tiền thu khác TK 138	1.283.045.700
	Tiền thu khác TK 338	2.304.863.876
	Các khoản thu khác	4.088.146.820
37.2	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	26.613.813.111
	Chi trả cho người mua	2.520.904.939
	Chi nộp thuế GTGT trong nước	7.011.854.403
	Chi nộp VAT nhập khẩu	9.585.471.274
	Chi nộp thuế TNCN	1.346.786.196
	Chi nộp thuế đất	1.567.520.100
	Chi ký quỹ, ký cược	728.557.669
	Chi sự nghiệp	527.000.000
	Chi khen thưởng, phúc lợi	261.000.000
	Chi khác	3.064.718.530

VII. Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và thông tin tài chính khác

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ

3 Công cụ tài chính

3.1 Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm: vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần trừ đi cổ phiếu quỹ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
- Tiền	19.615.907.465	19.615.907.465
- Các khoản phải thu khác hàng và phải thu khác	152.854.477.316	152.354.477.316

3.2 Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công nợ tại chính tại 31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	83.322.414.284	77.022.122	83.399.436.406

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Phải trả người bán	123.768.232.755	-	123.768.232.755
Chi phí phải trả	28.621.718.140	-	28.621.718.140

3.3 Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

4 Thông tin về các bên liên quan

Vốn góp, lương và thù lao	Quan hệ, chức vụ trong Công ty	Lương, thù lao năm 2014	Vốn góp tại ngày 31/12/2014
Tổng công ty Dược Việt Nam	Thành viên sáng lập	785.125.000	7.137.500.000
Ông Trần Bình Duyên	Chủ tịch HĐQT	286.800.000	3.162.000.000
Bà Đoàn Thị Hồng Thuý	Ủy viên	68.800.000	1.366.125.000
Ông Phùng Minh Dũng	Ủy viên - Tổng GD	568.544.440	97.750.000
Ông Hà Xuân Sơn	Ủy viên - P Tổng GD	453.457.137	369.500.000
Bà Nguyễn Thị Toan	Ủy viên - P Tổng GD	431.057.137	312.500.000
Ông Trần Hoàng Dũng	Ủy viên	77.800.000	5.000.000.000
Ông Vũ Anh Tuấn	Ủy viên	68.800.000	-
Ông Ngô Trọng Vinh	Trưởng BKS	68.800.000	-
Bà Trần Thu Hà	Thành viên BKS	55.800.000	12.500.000
Bà Nguyễn Thị Cẩm	Thành viên BKS	13.800.000	57.625.000
Bà Đỗ Thị Nhường	Thành viên BKS	24.600.000	-
Ông Nguyễn Ích Bằng	Thành viên BKS	331.209.677	25.000.000

5 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và kế toán Hà Nội. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp so sánh với số liệu kỳ này.

6 Thông tin về hoạt động liên tục

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.

7 Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

8 Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1 Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	19,18%	21,77%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	80,82%	78,23%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	71,78%	69,21%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	28,22%	30,79%
2 Khả năng thanh toán		
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	1,39	1,44
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1,13	1,13
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,07	0,06
3 Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	2,45%	2,05%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	1,90%	1,52%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	3,79%	3,24%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	2,94%	2,40%

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Lã Thi Trang Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Toan

Tổng Giám đốc



Phùng Minh Dũng